

MA TRẬN ĐẶC TẢ KTHK1 – VẬT LÝ 10

I. Hình thức

- Phần 1. Trắc nghiệm khách quan: 20 câu (6 điểm). Học sinh làm bài trên phiếu Trả lời Trắc nghiệm
- Phần 2. Tự luận: 4 điểm. Học sinh trình bày trên Giấy thi.
- Tổng thời gian làm bài cho 2 Phần thi: 45 phút.

II. Nội dung

a. Đặc tả Phần Trắc nghiệm khách quan

TT	Nội dung kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
	CHUYỂN ĐỘNG THẲNG	* Nhận biết: - Nêu được đ/n độ dịch chuyển. - Nêu được công thức của tốc độ trung bình, tốc độ tức thời, vận tốc TB, vận tốc tức thời. - Mô tả được chuyển động của vật dựa vào đồ thị dịch chuyển – thời gian. * Thông hiểu: - Từ đồ thị, nêu được tính chất chuyển động (thẳng đều hay đứng yên) - Phân biệt độ dịch chuyển và quãng đường đi được. - Giải thích một số tình huống, hiện tượng liên quan đến s, t, d...				
	CHUYỂN ĐỘNG TỔNG HỢP	* Nhận biết: Tính tương đối của CĐ * Thông hiểu: Giải thích một số hiện tượng thực tế				
	GIA TỐC- CĐTBĐĐ	* Nhận biết: + Định nghĩa gia tốc tức thời, gia tốc trung bình và ý nghĩa của gia tốc. + Định nghĩa CĐTBĐĐ, CĐTD + Đặc điểm của vectơ vận tốc, gia tốc + Đồ thị (v,t); (a,t) * Thông hiểu: Giải thích một số hiện tượng liên quan đến thực tế * Vận dụng: + Áp dụng công thức CĐTBĐĐ để giải một số bài toán về: s,d, t, v,... + Bài toán về đồ thị (v-t): tính chất CĐ, tính gia tốc và độ dịch chuyển ...				
	ROI TỰ DO	* Nhận biết: + Khái niệm RTD. + Đặc điểm của gia tốc RTD * Thông hiểu: Áp dụng kiến thức rơi tự do để giải thích một số hiện tượng trong thực tế				

		* Vận dụng: Áp dụng công thức rơi tự do để tính toán các đại lượng cơ bản.				
	CHUYỂN ĐỘNG NÉM NGANG	* Vận dụng: Áp dụng công thức để giải bài toán về phương trình quỹ đạo, tính thời gian rơi, tầm xa, vận tốc,...				
	BA ĐỊNH LUẬT NEWTON	* Nhận biết: + Nội dung và biểu thức của 3 định luật Newton; + Khái niệm quán tính, khối lượng. + Đ/n: hai lực bằng nhau, hai lực không bằng nhau, hai lực cân bằng, hai lực không cân bằng. + ĐĐ của cặp lực và phản lực * Thông hiểu: + Chỉ ra cặp lực cân bằng trong một số tình huống cụ thể + Vận dụng để giải thích một số hiện tượng trong thực tế.				
	CÁC LỰC TRONG THỰC TIỄN (Trọng lực, lực ma sát)	* Nhận biết: + Định nghĩa, các đặc điểm và biểu thức của trọng lực, lực ma sát. + Phân biệt trọng lực và trọng lượng. + Phân loại lực ma sát. * Thông hiểu: + Nêu được tầm quan trọng của trọng tâm trong sự cân bằng của vật. + Nêu được lợi ích và tác hại của lực ma sát. + Vận dụng để giải thích một số hiện tượng trong thực tế. * Vận dụng: + Vận dụng tính độ lớn trọng lực và độ lớn lực ma sát trượt.				
	Tổng		10	6	4	

b. Đặc tả Phần Tự luận

- Vận dụng kiến thức về chuyển động và các định luật Newton để giải thích các hiện tượng trong thực tế.
- Tính toán các đại lượng đặc trưng của bài toán rơi tự do, chuyển động ném ngang.
- Bài toán động lực học với tối đa 4 lực tác dụng lên vật, lực kéo theo phương ngang.

☞CHÚC CÁC EM ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA THẬT TỐT ☞